

| | |
|-----------------------------|---|
| <p>E-ĐKC 1.3</p> | <p>- Chủ đầu tư Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. Địa chỉ đăng ký kinh doanh: Số 18 Trần Nguyên Hãn, P.Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam;</p> <p>- Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án truyền tải điện – Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. Địa chỉ đăng ký kinh doanh: Số 18 Trần Nguyên Hãn, P.Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Địa chỉ giao dịch: Tầng 4, Tòa nhà Trung tâm hội nghị Sao Mai - Lô 03, 04, Khu công nghiệp Hoàng Mai, 435A Tam Trinh, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> |
| <p>E-ĐKC 1.5</p> | <p>Địa điểm cung cấp dịch vụ là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa được nhận Tại TBA 220kV Đông Hà, địa chỉ: Phường Bắc Sơn, thị xã Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. - Nơi giao hàng tại trạm biến áp 220kV Chân Mây: Trên bệ móng MBA trạm biến áp 220kV Chân Mây thuộc xã Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. |
| <p>E-ĐKC 1.11</p> | <p>Nhà thầu: _____ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].</p> |
| <p>E-ĐKC 2.2 (i)</p> | <p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: _____ [<i>liệt kê tài liệu</i>].</p> |
| <p>E-ĐKC 4.1</p> | <p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <p>Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án truyền tải điện – Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. Địa chỉ đăng ký kinh doanh: Số 18 Trần Nguyên Hãn, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Địa chỉ giao dịch: Tầng 4, Tòa nhà Trung tâm hội nghị Sao Mai - Lô 03, 04, Khu công nghiệp Hoàng Mai, 435A Tam Trinh, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> |
| <p>E-ĐKC 5.2</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày |

| | |
|-------------------------|--|
| | <p>bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p> |
| <p>E-ĐKC 5.4</p> | <p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</p> <p>- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <p>Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các nội dung đã được quy định tại mục 36.2 Chương I/E-HSMT; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>- Trường hợp Nhà thầu không nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng: Chủ đầu tư có quyền thực hiện hình thức cảnh cáo Nhà thầu bằng văn bản. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT.</p> <p>- Gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng:</p> |

| | |
|-------------------|---|
| | <p>- Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>- Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p> |
| E-ĐKC 6.1 | Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i> |
| E-ĐKC 6.2 | Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng. |
| E-ĐKC 6.4 | <p>Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ</p> <p>- Nhà thầu phải tuân thủ các quy định về nhà thầu phụ nêu tại E-CDNT 27 Chương I của E-HSMT.</p> <p>- Trường hợp nhà thầu muốn thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng thì trong vòng 28 ngày trước ngày muốn đưa nhà thầu phụ vào làm việc, nhà thầu phải có văn bản đề nghị nêu lý do xác đáng, hợp lý kèm theo hồ sơ chứng minh năng lực của nhà thầu phụ để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận.</p> <p>- Chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của nhà thầu chính hoặc tổng thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p> |
| E-ĐKC 10.1 | Loại hợp đồng: <i>Trọn gói</i> |
| E-ĐKC 10.2 | Giá hợp đồng: Cố định |
| E-ĐKC 11 | <p>Điều chỉnh thuế: Được phép</p> <p>"Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng".</p> |
| E-ĐKC 12.1 | 1. Tạm ứng: |

Bên A tạm ứng cho Bên B khi các điều kiện đảm bảo tuân thủ theo Quyết định số 16/QĐ-HĐTV ngày 13/01/2025 của Hội đồng thành viên EVNNPT v/v Về việc ban hành Quy định quản lý, thanh toán vốn đầu tư trong Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.

Sau khi hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu **20%** giá trị Hợp đồng đã ký, theo hình thức chuyển khoản, nhà thầu chịu phí chuyển tiền, trong vòng 30 ngày khi nhà thầu xuất trình đủ các chứng từ sau:

- Văn bản yêu cầu tạm ứng.
- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (theo Mẫu số 15 Chương VIII) trong phụ lục của Hợp đồng này.
- Bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng (Theo Mẫu số 16 Chương VIII) với giá trị tương ứng giá trị tạm ứng nêu trên và có hiệu lực từ khi phát hành cho đến thời gian sau 30 ngày so với thời điểm dự kiến thu hồi hết tiền tạm ứng

Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.

- Biên bản bàn giao mặt bằng, tim mốc xây dựng.

2. Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.

3. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn

| | |
|--------------------------|---|
| | <p>bảo lãnh theo quy định.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p> <p>4. Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.</p> <p>5. Thời gian tạm ứng: ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ [<i>ghi cụ thể thời gian tạm ứng</i>].</p> |
| <p>E-ĐKC 13.1</p> | <p>1. Nguyên tắc thanh toán:</p> <p>Công tác thanh toán phải đảm bảo tuân thủ theo Quyết định số 16/QĐ-HĐTV ngày 13/01/2025 của Hội đồng thành viên EVNNPT v/v Về việc ban hành Quy định quản lý, thanh toán vốn đầu tư trong Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.</p> <p>Một số vấn đề phát sinh khác: Căn cứ theo Văn bản số 318/EVNNPT TCKT+ĐT+QLXD ngày 29/01/2019 về việc Quản lý chi phí phát sinh trong ĐTXD và văn bản số 2199/EVNNPT QLĐT+ĐT+QLXD+PC ngày 16/06/2020 do EVNNPT quy định (đính kèm theo E-HSMT).</p> <p>2. Phương thức thanh toán:</p> <p>Thanh toán bằng chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ, nhà thầu chịu phí chuyển tiền.</p> <p>a. Thanh toán theo từng đợt và tuân thủ các quy định dưới đây:</p> <p>Tổng số lần thanh toán tối đa là: ... lần (được cụ thể khi thương thảo hoàn thiện, ký kết hợp đồng), và tương ứng với khối lượng hoàn thành của từng đợt thanh toán với giá trị tối thiểu của từng lần thanh</p> |

toán là: ... tỷ VNĐ (được cụ thể khi thương thảo hoàn thiện, ký kết hợp đồng).

b. Thanh toán giai đoạn:

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu 100% giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành trên cơ sở đơn giá hợp đồng, biên bản nghiệm thu khối lượng và chất lượng từng đợt thanh toán, sau khi nhận được hồ sơ thanh toán định kỳ hợp lệ do nhà thầu lập (có khấu trừ tiền tạm ứng).

Hồ sơ thanh toán giai đoạn gồm:

- ✓ Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật (theo đúng biểu mẫu đã quy định) kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế; Trong đó, có cột khối lượng tăng hoặc giảm so với hợp đồng.
- ✓ Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);
- ✓ Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán (Bảng thanh toán KLXL hoàn thành đợt,...) được tính trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá có trong hợp đồng; Trong đó nêu rõ giá trị hoàn thành, giá trị thu hồi tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong đợt,....
- ✓ Phiếu giá thanh toán theo quy định.
- ✓ Hóa đơn GTGT tương ứng giá trị hoàn thành đủ điều kiện thanh toán
- ✓ Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.
- ✓ Biên bản đối chiếu vật tư A cấp giữa A và B (trong trường hợp bên A cấp vật tư) nêu rõ số vật tư A cấp đã lắp đặt vào dự án tương ứng với khối lượng hoàn thành thanh toán theo giai đoạn.

Khi thanh toán, Chủ đầu tư kiểm tra đối chiếu số tiền tạm ứng cần thu hồi theo hợp đồng để khấu trừ số tiền thanh toán và kiểm tra thời gian còn lại của bảo lãnh thực hiện hợp đồng/bảo lãnh tạm ứng so với tiến độ thực hiện hợp đồng/thu hồi tạm ứng để xử lý kịp thời các trường hợp hết thời hạn hiệu lực bảo lãnh mà chưa hoàn thành hợp đồng/thu hồi

tạm ứng (nếu có). Không thanh toán giai đoạn khi công trình đã đóng điện giai đoạn cuối.

c. Quyết toán và thanh toán giai đoạn cuối:

- Phiếu giá thanh toán đợt cuối thì nhà thầu được thanh toán đến 92%. Chủ đầu tư sẽ giữ lại 03% giá trị hợp đồng (bảo hành công trình). Khoản tiền giữ lại này sẽ được thanh toán sau khi nhà thầu hoàn thành trách nhiệm bảo hành công trình hoặc nhà thầu nộp bảo lãnh của Ngân hàng về số tiền bảo hành công trình.

- Khoản Tiền giữ lại chờ quyết toán (5%) sẽ được trả cho nhà thầu trong vòng 60 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được Quyết định phê duyệt quyết toán dự án.

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng, thời gian thanh toán theo quy trình cấp vốn của bên cho vay.

Hồ sơ thanh toán giai đoạn cuối:

Khi nhà thầu đã thi công hoàn thành khối lượng theo hợp đồng hồ sơ thanh toán như sau:

- ✓ Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện theo hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);
- ✓ Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);
- ✓ Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng;
- ✓ Biên bản đối chiếu vật tư A cấp giữa Chủ đầu tư và nhà thầu nêu rõ số vật tư Chủ đầu tư giao cho nhà thầu, số vật tư đã lắp đặt vào dự án, số vật tư không lắp đặt, số vật tư Nhà thầu đã bàn giao cho Chủ đầu tư (nếu rõ số lượng, chất lượng), số vật tư nhà thầu chưa hoàn trả Chủ đầu tư, nếu vật tư nhà thầu hoàn trả kém chất lượng thì phải phân tích nguyên nhân làm rõ trách nhiệm của nhà thầu trước khi thanh toán;

- ✓ Biên bản xác định giá trị thanh toán A-B cho toàn bộ khối lượng đã thực hiện theo hợp đồng;
- ✓ Biên bản đối chiếu công nợ xác định theo giá trị thanh toán A-B thống nhất, số tiền đã chuyển trả cho nhà thầu đến ngày đối chiếu, giá trị vật tư Chủ đầu tư cấp còn dư thừa nhưng nhà thầu chưa trả lại (nếu có), số tiền giữ lại theo hợp đồng;
- ✓ Phiếu giá thanh toán theo quy định.
- ✓ Hóa đơn GTGT tương ứng giá trị hoàn thành đủ điều kiện thanh toán.
- ✓ Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.
- ✓ Biên bản tổng kết hợp đồng.

Chủ đầu tư giữ lại tiền bảo hành công trình, tiền giữ lại chờ quyết toán theo hợp đồng. Trường hợp nhà thầu nộp bảo lãnh Ngân hàng thì: Thời gian Bảo lãnh bảo hành phải dài hơn thời gian bảo hành ít nhất 01 tháng (Không áp dụng bảo lãnh thanh toán tiền giữ lại chờ quyết toán).

Hồ sơ thanh toán tiền giữ lại:

- ✓ Các tài liệu theo hợp đồng như biên bản xác nhận hoàn thành bảo hành/ bảo lãnh bảo hành công trình, tài liệu phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền,...;
- ✓ Biên bản xác nhận không còn tồn tại trong quá trình bàn giao của đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành tài sản. Trường hợp không có xác nhận của đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành tài sản thì phải có xác nhận khối lượng nhà thầu thi công không còn tồn tại/ không bị hư hỏng trong thời gian bảo hành của bộ phận kỹ thuật chịu trách nhiệm bàn giao công trình;

Trường hợp Chủ đầu tư đã thanh toán tiền bảo hành cho nhà thầu khi nhà thầu nộp bảo lãnh bảo hành thì Chủ đầu tư sẽ theo dõi thời hạn bảo lãnh bảo hành, mọi hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành sẽ được thông báo cho nhà thầu kịp thời, trường hợp nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ bảo hành thì yêu cầu nhà thầu gia hạn thời hạn bảo lãnh bảo hành hoặc thực hiện các thủ tục thu bảo lãnh bảo hành theo quy định.

- ✓ Biên bản đối chiếu giá trị quyết toán được duyệt với giá trị thanh toán A - B đã thống nhất, điều chỉnh giảm số chênh lệch (nếu có).

Việc thanh toán hoặc giải tỏa bảo lãnh bảo hành đối với tiền bảo hành và tiền giữ lại quyết toán được tiến hành độc lập, căn cứ vào điều kiện thanh toán/giải tỏa theo hợp đồng để thực hiện.

- ✓ Thanh lý hợp đồng: Các bên đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

Bảo hành công trình:

1. Thời gian bảo hành công trình được tính từ ngày chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng và được xác định là 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình vào sử dụng. Thời gian bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của nhà thầu.

2. Yêu cầu về bảo hành công trình như sau:

+ Trong thời gian bảo hành công trình, Nhà thầu phải khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. Chi phí được khấu trừ vào tiền bảo hành, giá trị hợp đồng và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.

+ Hình thức bảo hành: Thư bảo lãnh của Ngân hàng (Phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành)

+ Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao

| | |
|-------------------|--|
| | <p>cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 03 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.</p> <p>+ Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.</p> <p>Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.</p> <p>Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</p> <p>Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.</p> |
| E-ĐKC 13.2 | Giảm trừ thanh toán: có áp dụng |
| E-ĐKC 15 | <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc</p> |

| | |
|----------------------|--|
| | <p>theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 0,5%/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.</p> <p>Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 10 % chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự. |
| E-ĐKC 17.1(c) | Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: _____ [nêu cụ thể các nội dung khác (nếu có)]. |
| E-ĐKC 17.4 | Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng. |
| E-ĐKC 18 (e) | Các trường hợp khác: _____ [ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật] |
| E-ĐKC 20.1 | <p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Tiến độ, chất lượng dịch vụ</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: 15 ngày</p> |
| E-ĐKC 21.2 | Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư. |
| E-ĐKC 22.2 | <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày - Giải quyết tranh chấp: <p>+ Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, hoặc đến cơ quan bảo vệ pháp luật Việt Nam can thiệp, cụ thể: Tòa án của cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> |

- | | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none">+ Ngôn ngữ sử dụng trong Tố tụng là Tiếng Việt.+ Quyết định của Toà án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên, bên thua kiện sẽ chịu mọi chi phí. |
|--|--|